

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày: 25 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thanh**
2. Bà **Nguyễn Ngọc Tài**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đô** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phan Phát Tấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2019/TLST-HS, ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Quốc T**, sinh năm: 1990 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: Ấp 10, xã 20, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng H và bà Lâm Thị MH; bị cáo có vợ tên Trần Thị CT, sinh năm: 1997 và 02 người con, lớn nhất năm 2014, nhỏ nhất năm 2016; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/11/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Võ Kim H, sinh ngày 12/3/2000; địa chỉ: Ấp 10, xã 20, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị O, ông Võ Quốc Th, địa chỉ: Ấp 10, xã 20, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

- Người làm chứng:

1. Võ Quốc T, sinh năm: 2007, địa chỉ: Ấp 10, xã 20, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị O, ông Võ Quốc Th, địa chỉ: Ấp 10, xã 20, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

2. Bà Lê Thị, sinh năm: 1947, địa chỉ: Ấp 10, xã 20, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 07 tháng 7 năm 2018 Nguyễn Quốc T đi đến nhà vợ chồng ông Võ Quốc Th và bà Trần Thị O cư ngụ cùng ấp với T để hỏi mua chó con, tại thời điểm trên ông Th và bà O vắng nhà, T gặp Võ Quốc T, sinh ngày 08/8/2007 và Võ Kim H, sinh ngày 12/3/2000 (H bị bệnh tâm thần bẩm sinh) là hai con ruột của ông Th và bà O. Lúc này, T cùng với H và T ở nhà sau để xem chó con, trong lúc đang xem T đi ra nhà trước để tắt ti vi, chỉ còn lại T và H ở nhà sau. H ngồi trên chiếc giường (bộ li văng) hai chân đưa xuống mặt đất, còn T đứng cách H khoảng 01 mét, lúc này T nảy sinh ý định quan hệ tình dục với H nên dùng tay phải của T đẩy vào vai phải của H làm H ngã ngửa về phía sau ra giường, T tiếp tục khom người xuống với tư thế nằm lên trên người của H, tay trái T chống xuống giường, tay phải T kéo quần của H xuống đến phần giữa đùi trên làm lộ bộ phận sinh dục của H ra bên ngoài để T thực hiện hành vi quan hệ tình dục với H thì bị Võ Quốc T em ruột của H đi ra nhà sau phát hiện la lên nên T đứng dậy kéo quần của H lên rồi đi ra về.

Vật chứng, đồ vật thu giữ gồm: 01 bộ đồ thun màu đỏ và 01 quần lót màu vàng đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 151/2018/KLGĐTC ngày 24/8/2018 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ đã giám định và kết luận: Võ Kim H có bệnh lý tâm thần: Chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (F72-ICD10). Về năng lực: Tại thời điểm xảy ra vụ việc Võ Kim H mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi do bệnh lý tâm thần.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-HCTA, ngày 30/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã truy tố Nguyễn Quốc T về tội “Hiếp dâm” theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo T. Kiểm sát viên phân

tích cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra bị cáo quanh co lời khai nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại với tổng số tiền là 13.900.000 đồng được người đại diện hợp pháp của bị hại chấp nhận; bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; đã ly thân vợ và đang nuôi con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Từ những phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Hiếp dâm”, áp dụng khoản 1 Điều 141, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T mức án từ 02 năm đến 03 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Th, bà O yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền là 13.900.000 đồng, bị cáo chấp nhận mức bồi thường, đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã xử lý xong nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Th, bà O về trách nhiệm hình sự đề nghị xử theo quy định pháp luật đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự chỉ yêu cầu bồi thường tổng các thiệt hại là 13.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Bị hại H có bệnh lý tâm thần, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp là cha mẹ ông Võ Quốc Th và bà Trần Thị O đề nghị xét xử vắng mặt

bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị và T hành xét xử vắng mặt bị hại là đúng quy định pháp luật.

Bị hại Võ Kim H bị người khuyết tật là đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 7 của Luật trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố người đại diện hợp pháp của bị hại có Đơn từ chối trợ giúp pháp lý (bút lục 113a); tại phiên tòa qua giải thích về quyền và nghĩa vụ người đại diện hợp pháp của bị hại cũng từ chối yêu cầu trợ giúp pháp lý nên Hội đồng xét xử không mời trợ giúp pháp lý là đúng quy định pháp luật.

[3] Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Quốc T ban đầu thừa nhận hành vi phạm tội, về sau cung cấp lời khai mâu thuẫn, phản cung không nhận tội. Tuy nhiên, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Quốc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại; người làm chứng và các tình tiết chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Quốc T là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; vào khoảng 08 giờ ngày 07 tháng 7 năm 2018 tại nhà của ông Th, bà O; bị cáo T đã lợi dụng tình trạng bị hại Võ Kim H là người bị bệnh tâm thần chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (F72- ICD10) cố ý dùng tay phải đẩy vào vai phải của H làm H ngã nằm ngửa về phía sau ra giường, sau đó dùng tay phải kéo quần của H xuống đến phần giữa đùi trên làm lộ bộ phận sinh dục của H ra bên ngoài. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận kéo quần bị hại H xuống nhằm mục đích để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với H thì bị Võ Quốc T em ruột của H phát hiện la lên nên bị cáo T kéo quần H lên rồi đứng dậy ra về.

Hành vi của bị cáo T là lỗi cố ý thực hiện tội phạm với ý thức là sẽ quan hệ tình dục với bị hại H, nhưng không thực hiện được đến cùng vì nguyên nhân ngoài ý muốn là có Võ Quốc T em của bị hại phát hiện la lên bị cáo sợ phát hiện dừng lại không thực hiện được hành vi của mình. Hành vi này của bị cáo T mặc dù chưa quan hệ tình dục được với bị hại nhưng đã đủ các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 15 và Điều 141 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố bị cáo để xét xử về tội "Hiếp dâm" theo quy định tại khoản 1 Điều 141 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo còn quanh co chối tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa qua xét hỏi, tranh tụng công khai bị cáo đã thừa nhận tội và tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên theo nguyên tắc có lợi

cho bị cáo Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa bị cáo tự nguyện chấp nhận mức bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 13.900.000 đồng, được người đại diện hợp pháp của bị hại đồng ý nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; có hoàn cảnh khó khăn, đã sống ly thân vợ và đang nuôi 02 con nhỏ, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; nhằm thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật hình sự của Nhà nước đối với những người biết ăn năn, hối cải, biết hướng thiện nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét thấy hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[7] Xét về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận được với nhau về tổng các thiệt hại mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 13.900.000 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong, việc xử lý là phù hợp nên không xem xét, giải quyết.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Hiếp dâm”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 141, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Điều 329, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Xử phạt: Nguyễn Quốc T 02 (hai) năm tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2018. Ra quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 592 của Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận bị cáo Nguyễn Quốc T tự nguyện có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Võ Kim H số tiền 13.900.000 đồng (mười ba triệu chín trăm nghìn đồng), người đại diện hợp pháp của bị hại H là ông Võ Quốc Th, bà Trần Thị O đại diện nhận.

Kể từ ngày người đại diện hợp pháp của bị hại H là ông Võ Quốc Th, bà Trần Thị O và có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Quốc T chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong quá trình điều tra nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/3/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND huyện Châu Thành A;
- Công an huyện Châu Thành A;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm